TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **105**/2025/HNGĐ-ST Ngày 31-12-2025 *"V/v ly hôn và tranh chấp về con chung"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Đông

Các Hội thẩm Nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Diệu

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký phiên toà: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Lê Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án Nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2025/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn và tranh chấp về con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Chị H Uyn Ê, sinh năm 1990 (Vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt)

CCCD số 066190019293 cấp ngày 09/8/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Buôn D, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Y Bel A, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

CCCD số 066082006668. Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Buôn N, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Chị H Uyn Êtrình bày nội dung như sau:

Chị H Uyn Êvà anh Y Bel A chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu chung sống hai vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng gì, nhưng sau đó hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân, nảy sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng mà không thể giải quyết được. Nguyên nhân chính là do hai vợ chồng không hợp nhau, quan điểm về lối sống khác nhau, nhận thấy không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên chị H Uyn Êđề nghị Tòa án giải quyết cho chị H Uyn Êđược ly hôn với anh Y Bel A.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H Uyn Êvà anh Y Bel A có 02 con chung là cháu Y Chun Ê1, sinh ngày: 26/12/2007 và cháu H'Mĩ Ê2, sinh ngày: 08/02/2015. Khi ly hôn chị H Uyn Êcó nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Y Chun Ê1, sinh ngày 26/12/2007 và H'Mĩ Ê2, sinh ngày 08/02/2015 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Chị H Uyn Êkhông yêu cầu ông Y Bel A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H Uyn Êkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Y Bel A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án Nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu như sau:***

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với đương sự (nguyên đơn, bị đơn): Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H Uyn Êvề việc yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Y Bel A. Giao con chung là 02 cháu Y Chun Ê1, sinh ngày 26/12/2007 và H'Mĩ Ê2, sinh ngày 08/02/2015 cho chị H Uyn Êtrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Anh Y Bel A có quyền đi lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng: Chị H Uyn Êkhông yêu cầu ông Y Bel A cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H Uyn Êkhông yêu

cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị H Uyn Êphải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H Uyn Êcó đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Y Bel A, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn và tranh chấp về con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H Uyn Êvắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Y Bel A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H Uyn Ê và anh Y Bel A là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị H Uyn Ê và anh Y Bel A chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 28 tháng 11 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa chị H Uyn Êvà anh Y Bel A phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải, vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung và không thể chung sống với nhau được. Nhận thấy không thể tiếp tục duy trì nên chị H Uyn Ê làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H Uyn Êđược ly hôn với anh Y Bel A.

Tại biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương được biết: Trong quá trình chung sống tại địa phương thì giữa chị H Uyn Ê và anh Y Bel A có 02 con chung là Y Chun Ê1 và H'Mĩ Êban. Do có phát sinh mâu thuẫn nên anh Y Bel A đã về nhà bố mẹ để sinh sống. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì chị H Uyn Ê và anh Y Bel A không thông báo và không yêu cầu hòa giải tại địa phương nên địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn là gì và không thể cung cấp cho Tòa án được. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc anh Y Bel A không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng đã thể hiện việc anh Y Bel A không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H Uyn Ê và anh Y Bel A đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H Uyn Ê là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị H Uyn Êvà anh Y Bel A có 02 con chung là cháu Y Chun Ê1, sinh ngày: 26/12/2007 và H'Mĩ Ê2, sinh ngày: 08/02/2015. Khi ly hôn, chị H Uyn Ê có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Y Chun Ê1, sinh ngày: 26/12/2007 đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra để giải quyết. Đối với cháu H'Mĩ Ê2, sinh ngày: 08/02/2015, hiện đang sống với mẹ là chị H Uyn Ê và nguyện vọng của cháu là được sống cùng với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu nên cần giao cháu H1 Êban cho chị H Uyn Êtrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Chị H Uyn Ê không yêu cầu anh Y Bel A phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để giải quyết, là phù hợp theo quy định tại Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H Uyn Ê không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H Uyn Êphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị H Uyn Ê.

- Về hôn nhân: Chị H Uyn Ê được ly hôn với anh Y Bel A .

- Về con chung: Hiện nay cháu Y Chun Ê1, sinh ngày: 26/12/2007 đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra để giải quyết.

Giao con chung cháu H'Mĩ Ê2, sinh ngày 08/02/2015 cho chị H Uyn Ê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

Anh Y Bel A có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Chị H Uyn Ê không yêu cầu anh Y Bel A phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H Uyn Ê không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[2] Về án phí: Chị H Uyn Ê phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị H Uyn Êđã nộp theo biên lai thu số 0000919 ngày 23 tháng 09 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lăk;
- VKSND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường B, tỉnh Đắk Lắk (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 134 ngày 28/11/2008 của UBND xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thị Đông